

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ngân.

2. Ông Lê Ngọc Phi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở: Số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Ph, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà B, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05-7-2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Ông Nguyễn Đình L ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị D, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Theo Giấy ủy quyền số 2138/UQ-QLN.23 ngày 20-12-2023 của Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Trường H, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) A do bà Nguyễn Thị D là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 10-12-2021, Ngân hàng TMCP A với bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H có ký bản Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDU.CN.1744.091221 ngày 10-12-2021 và Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021, với hạn mức cấp tín dụng 9.900.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm triệu đồng). Ngân hàng đã giải ngân số tiền 9.900.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm triệu đồng) cho ông H, bà H vào tài khoản thanh toán số 222255667788 của bà Nguyễn Thị Như H tại Ngân hàng TMCP A theo Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022. Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông sản, phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng, phương thức giải ngân: Chuyển tiền, thời hạn cho vay: Từ ngày 11-9-2022 đến ngày 10-6-2023, lãi suất trong hạn 9,00 %/01 năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/01 lần theo công thức sau: Lãi suất (%/ 01 năm) = LSCS + 3,00%/01 năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/01 năm.

Ngày 17-12-2021, bà Nguyễn Thị Như H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà H với số thẻ số 9704 16** **** 6972, loại thẻ Express, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiệu lực thẻ tháng 12-2024, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Ngày 17-12-2021, ông Nguyễn Văn Trường H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông H với số thẻ số 3567 95** **** 3191, loại thẻ 900-JCB EMV Gold, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiệu lực thẻ tháng 12-2024, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, do vợ chồng ông H, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên từ ngày 11-6-2023, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản vay của các Khế ước nhận nợ trên. Ngày 07-9-2023, Ngân hàng đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với các thẻ tín dụng trên.

Từ khi ký hợp đồng vay và được giải ngân cho đến ngày 30-9-2024, bà H và ông H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 653.646.653 đồng (Sáu trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng). Như vậy, tính đến ngày 30-9-2024 vợ chồng ông H, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền 12.535.888.949 đồng (Mười hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc 9.968.480.518 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn năm trăm mười tám đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.452.375.967 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng), tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng). Cụ thể:

Đối với khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022 là: Tiền nợ gốc 9.899.996.679 đồng (Chín tỷ tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng), tiền nợ lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng). Tính từ ngày 10-6-2023 là ngày bà H và ông H bắt đầu quá hạn nợ gốc đến hết ngày 30-9-2024 là 478 ngày, do đó tiền lãi quá hạn = (Dư nợ gốc quá hạn x Lãi suất quá hạn : 365 ngày) x 478 ngày = 2.430.924.367 đồng (Hai tỷ bốn trăm ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng), về lãi phạt: Do bà H và ông H vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ kỳ tháng 6-2023 nên đến ngày 30-9-2024 số tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

Đối với khoản nợ thẻ của ông H: Tiền nợ gốc 18.788.701 đồng (Mười tám triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm linh một đồng), tiền lãi quá hạn 7.699.134 đồng (Bảy triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn một trăm ba mươi bốn đồng).

Đối với khoản nợ thẻ của bà H: Tiền nợ gốc 49.695.138 đồng (Bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn một trăm ba mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn 13.752.466 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông H, bà H có thể chấp tài sản sau:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 975, có diện tích 331m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066888 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 976, có diện tích 330m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066889 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 977, có diện tích 329m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066890 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 978, có diện tích 1.053m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066891 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 979, có diện tích 1.034m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066892 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDU.BĐCN.272.091.221 ngày 10-12-2021 đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công chứng ngày 10-12-2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo chứng nhận của cơ quan đăng ký ngày 13-12-2021.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 379, có diện tích 796m², tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã A, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được UBND huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 150662 ngày 10-4-2013, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Như H, ông Nguyễn Văn Trường H ngày 20-4-2020;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 457, có diện tích 552m², tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 277269 ngày 28-5-2014, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Như H, ông Nguyễn Văn Trường H ngày 03-9-2020;

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDU.BĐCN.219.091.221 ngày 10-12-2021 đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công chứng ngày 10-12-2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo chứng nhận của cơ quan đăng ký ngày 13-12-2021.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà H, ông H phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền 12.535.888.949 đồng (Mười hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc 9.968.480.518 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn năm trăm mười tám đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.452.375.967 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng), tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo theo lãi suất tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính từ ngày 01-10-2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông H, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản có trên đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp tài sản phát mại không đủ để trả nợ thì ông H, bà H có nghĩa vụ trả nợ tiếp cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H phải trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Như H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn Trường H là quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 11-3-2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ chồng bà H, ông H kinh doanh mua bán ô-tô, vật liệu xây dựng, mua bán nông sản theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 49C80001762 do Phòng Tài chính Kế hoạch huyện B cấp lần đầu ngày 20-3-2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25-11-2023.

Do có nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh nên ngày 10-12-2021, vợ chồng ông H, bà H có ký Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDU.CN.1744.091221 ngày 10-12-2021 và Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021 với Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 9.900.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022. Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông sản, phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng, phương thức giải ngân: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn cho vay: Không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân, thời hạn của hiệu lực hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng, lãi suất cho vay: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/01 năm, lãi suất trong hạn 9,00 %/01 năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/01 lần theo công thức sau: Lãi suất (%/01 năm) = LSCS + 3,00%/ 01 năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/01 năm.

Ngày 17-12-2021, bà Nguyễn Thị Như H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà H với số thẻ số 9704 16** **** 6972, loại thẻ Express, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiệu lực thẻ tháng 12-2024, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Ngày 17-12-2021, ông Nguyễn Văn Trường H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông H với số thẻ số 3567 95** **** 3191, loại thẻ 900-JCB EMV Gold, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiệu lực thẻ tháng 12-2024, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, do hoạt động kinh doanh không hiệu quả nên bà H, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Từ ngày 11-6-2023, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản vay của các Khế ước nhận nợ trên. Ngày 07-9-2023, Ngân hàng đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với các thẻ tín dụng trên. Bà H xác nhận tính đến ngày 16-4-2024 vợ chồng bà H, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền 11.673.566.747 đồng (Mười một tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), trong đó:

Tiền nợ gốc 9.969.983.862 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm tám mươi ba ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 1.593.204.108 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi ba triệu hai trăm linh bốn ngàn một trăm linh tám đồng), tiền phạt chậm trả lãi 8.666.448 đồng (Tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H và ông H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 17-4-2024 cho đến khi trả hết nợ thì bà H đồng ý nhưng xin thêm thời gian để xoay xở trả nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn Trường H theo quy định của pháp luật nhưng ông H không đến nên không lấy lời khai được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 30, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299, 317 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 của Luật Đất đai và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm tính đến ngày 30-9-2024 là 12.535.888.949 đồng (Mười hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Tiền gốc 9.968.480.518 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn năm trăm mười tám đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.452.375.967 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng), tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 01-10-2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không thanh toán đủ tiền nợ thì ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H có nghĩa vụ trả nợ tiếp cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H phải trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng cấp tín dụng đã ký giữa hai bên. Ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh do bà Nguyễn Thị Như H đứng tên nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án, nơi cư trú của ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H tại địa chỉ xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo

quy định khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tính hợp pháp của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDU.CN.1744.091221 ngày 10-12-2021, Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng ngày 17-12-2021, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A thấy:

Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDU.CN.1744.091221 ngày 10-12-2021, Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng ngày 17-12-2021, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H là loại hợp đồng theo mẫu, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức.

Do đó, căn cứ vào Điều 405 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thỏa thuận này có giá trị pháp lý nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Về số tiền gốc, tiền lãi nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H phải thanh toán theo Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021, Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng ngày 17-12-2021:

Ngày 10-12-2021, Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A với bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H ký Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021, với hạn mức cấp tín dụng 9.900.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm triệu đồng). Ngân hàng đã giải ngân số tiền 9.900.000.000 đồng (Chín tỷ chín trăm triệu đồng) cho ông H, bà H vào tài khoản thanh toán số 222255667788 của bà Nguyễn Thị Như H tại Ngân hàng TMCP A theo Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022; mục đích vay: Sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông sản, phương thức cho vay: Cho vay

theo hạn mức tín dụng, phương thức giải ngân chuyển tiền, thời hạn cho vay: Từ ngày 11-9-2022 đến ngày 10-6-2023, lãi suất trong hạn 9,00%/01 năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/01 lần theo công thức sau: Lãi suất (%/ 01 năm) = LSCS + 3,00%/01 năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/01 năm.

Ngày 17-12-2021, bà Nguyễn Thị Như H ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà H với số thẻ số 9704 16** **** 6972, loại thẻ Express, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiệu lực thẻ tháng 12-2024, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Ngày 17-12-2021, ông Nguyễn Văn Trường H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông H với số thẻ số 3567 95** **** 3191, loại thẻ 900-JCB EMV Gold, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hiệu lực thẻ tháng 12-2024, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Sau khi vay và được giải ngân cho đến ngày 30-9-2024, ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Thị Như H đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 653.646.653 đồng (Sáu trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng) rồi không có khả năng thanh toán.

Do bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 11-6-2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc qua nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của bà H, ông H với mức lãi suất quá hạn theo quy định trong Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Như vậy, căn cứ vào các Điều 4, 6, 7 của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDU.CN.1744.091221 ngày 10-12-2021; Điều 1, 3 của Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021; Điều 2 của Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022; Điều 13, 14, 17, 18 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A; Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì bà H và ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 11-6-2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của các khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi

suất quá hạn theo thỏa thuận giữa hai bên khi xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng.

Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H phải có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng tính đến ngày 30-9-2024 là 12.535.888.949 đồng (Mười hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 9.968.480.518 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn năm trăm mười tám đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.452.375.967 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng), tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng). Cụ thể:

Đối với khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022 là: Tiền nợ gốc 9.899.996.679 đồng (Chín tỷ tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.430.924.367 đồng (Hai tỷ bốn trăm ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng), tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

Đối với khoản nợ thẻ của ông Nguyễn Văn Trường H: Tiền nợ gốc 18.788.701 đồng (Mười tám triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm linh một đồng), tiền lãi quá hạn 7.699.134 đồng (Bảy triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn một trăm ba mươi bốn đồng).

Đối với khoản nợ thẻ của bà Nguyễn Thị Như H: Tiền nợ gốc 49.695.138 đồng (Bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn một trăm ba mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn 13.752.466 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

[2.3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng:

Để bảo đảm cho các khoản vay với Ngân hàng, bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất sau:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 975, có diện tích 331m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066888 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 976, có diện tích 330m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066889 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 977, có diện tích 329m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066890 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 978, có diện tích 1.053m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066891 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 979, có diện tích 1.034m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066892 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDU.BĐCN.272.091.221 ngày 10-12-2021 đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công chứng ngày 10-12-2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo chứng nhận của cơ quan đăng ký ngày 13-12-2021;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 379, có diện tích 796m², tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được UBND huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 150662 ngày 10-4-2013, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Như H, ông Nguyễn Văn Trường H ngày 20-4-2020;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 457, có diện tích 552m², tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 277269 ngày 28-5-2014, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Như H, ông Nguyễn Văn Trường H ngày 03-9-2020;

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDU.BĐCN.219.091.221 ngày 10-12-2021 đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công chứng ngày 10-12-2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo chứng nhận của cơ quan đăng ký ngày 13-12-2021.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức ghi nhận, tại thời điểm xem xét, thẩm định hiện trạng các thửa đất thế chấp như sau:

Trên thửa đất số 379, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 01 căn nhà cấp 4 (một tầng) và một số công trình phụ khác.

Trên thửa đất 457, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 01 căn nhà cấp 4 (trước đây được bà H, ông H sử dụng làm văn phòng để kinh doanh ô-tô) và 01 căn nhà lắp ráp.

Trên các thửa đất số 975, 976, 977, 978, 979, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 01 căn nhà cấp 4 (tại thời điểm thẩm định bà H, ông H đang kinh doanh quán cà phê) ngoài ra có một số cây trồng khác.

Theo ông Nguyễn Văn Trường H xác nhận toàn bộ tài sản có trên các thửa đất này đều thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông H, bà H.

Xét thấy, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất trên thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm (bà H, ông H), đã được đăng ký bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 22 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 của Chính phủ Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do ông H và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ quy định tại các Điều 295, 298, 299, 303, 319, 320 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 của Luật Đất đai chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp đủ theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 16/2024/TB-TA ngày 18-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức và đã chi phí hết nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là: [112.000.000 đồng + 0,1% (12.535.888.949 đồng - 4.000.000.000 đồng)] = 120.536.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 298, 299, 303, 319, 320, 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 của Luật Đất đai; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền vay còn thiếu theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDU.CN.1744.091221 ngày 10-12-2021, Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021, Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tính đến ngày 30-9-2024 là 12.535.888.949 đồng (Mười hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 9.968.480.518 đồng (Chín tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn năm trăm mười tám đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.452.375.967 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi bảy đồng), tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng). Cụ thể:

Đối với khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022 là: Tiền nợ gốc 9.899.996.679 đồng (Chín tỷ tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng), tiền lãi trong hạn 101.712.329 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.430.924.367 đồng (Hai tỷ bốn trăm ba mươi triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng), tiền phạt chậm trả lãi 13.320.135 đồng (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

Đối với khoản nợ thẻ của ông Nguyễn Văn Trường H: Tiền nợ gốc 18.788.701 đồng (Mười tám triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm linh một đồng), tiền lãi quá hạn 7.699.134 đồng (Bảy triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn một trăm ba mươi bốn đồng).

Đối với khoản nợ thẻ của bà Nguyễn Thị Như H: Tiền nợ gốc 49.695.138 đồng (Bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn một trăm ba mươi tám

đồng), tiền lãi quá hạn 13.752.466 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-9-2024) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CDU.CN.1744.091221 ngày 10-12-2021, Hợp đồng cấp tín dụng số CDU.CN.1776.091221 ngày 10-12-2021, Khế ước nhận nợ số 371999679 ngày 10-9-2022, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A đã ký cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 975, có diện tích 331m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066888 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 976, có diện tích 330m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066889 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 977, có diện tích 329m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066890 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 978, có diện tích 1.053m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066891 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 979, có diện tích 1.034m², tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại xã A, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 066892 ngày 28-9-2020 cho bà Nguyễn Thị Như H;

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDU.BĐCN.272.091.221 ngày 10-12-2021 đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công chứng ngày 10-12-2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo chứng nhận của cơ quan đăng ký ngày 13-12-2021.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 150662 ngày 10-4-2013, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Như H, ông Nguyễn Văn Trường H ngày 20-4-2020;

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 457, có diện tích 552m², tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đất đã được UBND huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 277269 ngày 28-5-2014, cập nhật sang tên bà Nguyễn Thị Như H, ông Nguyễn Văn Trường H ngày 03-9-2020;

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CDU.BĐCN.219.091.221 ngày 10-12-2021 đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công chứng ngày 10-12-2021 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo chứng nhận của cơ quan đăng ký ngày 13-12-2021.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), nguyên đơn đã nộp đủ và đã chi phí hết nên buộc bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H phải trả lại số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP A.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Trường H phải nộp số tiền án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm 120.536.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP A không phải nộp án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 59.390.000 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001711 ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 30-9-2024). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga